

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Phùng Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 743/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh TG.

Bị đơn: **Lê Thanh T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Thanh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KS, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên bạo lực gia đình, chửi mắng, xúc phạm danh dự của chị T. Chị T và anh T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Lê Gia K, sinh ngày 01/8/2000, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Thanh T dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Thanh T dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị T và anh T xác lập hôn nhân vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị Tuyên và anh Tâm đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con, bạo lực gia đình. Chị T và anh T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Lê Thanh T dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời tại phiên tòa anh T vắng mặt chứng tỏ anh T không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Lê Gia K, sinh ngày 01/8/2000, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T.

- Chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0021046 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã KS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh